

Số: 01/KHNDCSGD-MG3T-TT

KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ
NĂM HỌC 2025- 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi chương trình giáo dục Mầm non;

Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 Ban hành chương trình giáo dục mầm non;

Thực hiện công văn số 3261/QĐ- UBND, ngày 19 tháng 8 năm 2025 Quyết định về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ nhiệm vụ năm học 2025-2026

Thực hiện theo kế hoạch số 54/KH-MN, ngày 25 tháng 8 năm 2025 của trường Mầm non Đồng Sơn về kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục nhà trường năm học 2025-2026;

Căn cứ điều kiện thực tế của nhà trường và lớp, khả năng và nhu cầu của trẻ. Lớp 3 tuổi Trung Tâm xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục lớp năm học 2025 - 2026 như sau:

II. PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA LỚP

*** Thuận lợi**

- Lớp được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học đạt tiêu chuẩn. Có phòng ngủ riêng; Có nhà vệ sinh khép kín, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông , mùa đông có đủ chăn đệm ấm.

- Được trang bị đầy đủ đồ dùng đồ chơi theo thông tư 02 và đồ dùng đồ chơi rất có giá trị để các con học tập và vui chơi.

- Lớp có 2 giáo viên chủ nhiệm, trình độ trên chuẩn, có kinh nghiệm giảng dạy và chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

*** Khó khăn**

- Học sinh của lớp có một số cháu năm học này mới ra lớp nên khả năng giao tiếp còn hạn chế, có cháu nói ngọng, chưa nói được câu dài, rõ chưa biết

cách diễn đạt ý và nói đủ câu nên giáo viên cũng gặp khó khăn trong quá trình giảng dạy và chăm sóc, nuôi dưỡng.

A. MỤC TIÊU- NỘI DUNG ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO

1.Mục tiêu – Nội dung chung

1.1 Mục tiêu:

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

*** Phát triển thể chất.**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

*** Phát triển nhận thức.**

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

*** Phát triển ngôn ngữ**

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

*** Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội**

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: Mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kỹ năng sống: Tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

*** Phát triển thẩm mỹ.**

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

1.2.Nội dung

1.2.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

a.Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*

- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

- + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

- + *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

b. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

c. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

d. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

1.2.2. Giáo dục

a. Giáo dục phát triển thể chất

+) Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chức trong vận động.
- Các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

+) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.
- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

b. Giáo dục phát triển nhận thức

+) Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

+) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo quy tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.

- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

+) *Khám phá xã hội*

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.

- Trường mầm non.

- Một số nghề phổ biến.

- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

c. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

+) *Nghe*

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.

- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

+) *Nói*

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.

- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.

- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.

- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.

- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

+) *Làm quen với việc đọc, viết*

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.

- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.

- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

d. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

+) *Phát triển tình cảm*

- Ý thức về bản thân.

- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

+) *Phát triển kỹ năng xã hội*

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- Quan tâm bảo vệ môi trường.

e. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

+) Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

f) Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).

+) Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

2. Mục tiêu và nội dung giáo dục

LĨNH VỰC	MÃ HÓA MỤC TIÊU	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1. Phát triển thể chất	a. Phát triển thể chất		
	MT1:	Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng: + Trẻ trai: 12,7 - 21,2 kg + Trẻ gái: 12,3 - 21,5 kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 94,9 - 111,7 cm + Trẻ gái: 94,1 - 111,3 cm.	- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Kiểm tra sức khỏe định kỳ: 2lần/năm. - Cân, đo trẻ theo quý, mỗi quý cân, đo một lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển. - Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh; can thiệp sớm đối với trẻ suy dinh dưỡng và có nguy cơ suy dinh dưỡng.
	MT2:	Trẻ thực hiện được đầy đủ, đúng, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	<i>*/ Hô hấp:</i> + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. Bắt chước tiếng kêu của đồ vật, động vật. <i>*/ Các động tác phát triển cơ tay và cơ bắp vai:</i> - Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang hai bên - Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay

			trước ngực. <i>*/ Các động tác phát triển cơ</i> <i>lưng, bụng, lườn:</i> - Cúi về phía trước. - Quay người sang trái, sang phải - Nghiêng người sang trái, sang phải. <i>*/ Các động tác phát triển cơ chân:</i> - Bước lên phía trước, bước sang ngang. - Co duỗi chân. - Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.
	MT3:	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m)	- Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2 m).
	MT4:	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.	- Đi theo đường dích dắc. - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát.
	MT5:	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: Đi kiễng gót liên tục 3m.	- Đi kiễng chân - Đi kiễng gót - Đi kiễng gót liên tục 3 m
	MT6:	MT6: Trẻ kiểm soát được vận động: Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.	- Đi bước dồn ngang. - Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc. - Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.
	MT7:	Trẻ kiểm soát được vận động: Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh	- Chạy theo đường hẹp (4m x 0,2m) - Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.

	MT8:	Trẻ kiểm soát được vận động: Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài	- Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.
	MT9:	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5m)	- Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang. - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng dọc. - Bắt và tung bóng với cô bằng 2 tay. - Tung bắt bóng với cô (bắt được 3 lần liên tiếp không rơi bóng - khoảng cách 2,5m)
	MT10:	Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tự tập - bắt bóng 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)	- Lăn bóng với cô. - Tự tập - bắt bóng 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)
	MT11:	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.	- Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng.
	MT12:	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Ném trúng đích ngang (xa 1,5m)	- Ném xa bằng 2 tay. - Ném xa bằng 1 tay. - Ném trúng đích ngang bằng 1 tay (xa 1,5m)
	MT13:	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	- Bò theo hướng thẳng. - Bò chui qua cổng. - Bò theo đường đích dắc. - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m)
	MT14:	Trẻ biết trườn theo hướng đích dắc.	- Trườn về phía trước. - Trườn theo hướng thẳng

			- Trườn chui qua cổng. - Trườn theo hướng đích dắc..
MT15:	Trẻ biết bước lên, xuống bục cao 30 cm.		- Bước lên, xuống bục cao 30 cm.
MT16:	Trẻ biết bật xa 20- 25 cm		- Bật tại chỗ. - Bật về phía trước. - Bật nhảy qua gậy - Bật xa 20 - 25 cm
MT17:	Trẻ thực hiện được các vận động: + Xoay tròn cổ tay + Gập, đan các ngón tay vào nhau.		- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết.
MT18:	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: + Vẽ hình tròn theo mẫu + Cắt thẳng được một đoạn 10cm. + Xếp chồng 8 -10 khối không đổ. + TỰ cài, cởi cúc.		- Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy - Sử dụng kéo, bút. - Tô, vẽ nguệch ngoạc. - Cài cởi cúc.

b. Giáo dục dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe:

MT19:	Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh.		- Một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.
MT20:	Trẻ biết tên một số món ăn hằng ngày.		- Tên một số món ăn hằng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau..
MT21:	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau		- Các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Sự liên quan giữa ăn uống, bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì).
MT22:	Trẻ thực hiện được một số		- Làm quen với cách đánh

		việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	răng, lau mặt, súc miệng... - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tháo tất, cởi quần, áo...
	MT23:	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Rèn cách cầm bát, thìa, cốc đúng cách trong ăn, uống hằng ngày.
	MT24:	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở.	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Uống nước đã đun sôi...
	MT25:	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người - Trang phục theo thời tiết. - Một số biểu hiện khi ốm.
	MT26:	Trẻ nhận ra và biết tránh một số vật dụng nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...)
	MT27:	Trẻ biết tránh những nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Những nơi không an toàn (hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...)
	MT28:	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Một số hành động nguy hiểm như: + Cười đùa trong ăn, uống, ăn các loại quả có hạt. + Tự lấy thuốc uống, leo trèo lên bàn, ghế, lan can, + Nghịch các vật sắc

			nhọn. + Theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp...
	MT29:	Trẻ nhận biết được một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	- Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ (Cháy, có người ngã chảy máu, có người rơi xuống nước)
2. Phát triển nhận thức	a. Khám phá khoa học:		
	MT30:	Trẻ nhận biết được chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
	MT31:	Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Chăm chú, quan sát các sự vật, hiện tượng, hay đặt câu hỏi về đối tượng.
	MT32:	Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.
	MT33:	Trẻ nhận biết được một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
	MT34:	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	- Làm thử nghiệm với các vật chìm nổi. - Quan sát, nhận xét vì sao vật chìm/ nổi trong nước.
	MT35:	Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo.	- Tập thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau như xem sách, tranh ảnh, trò chuyện về đối tượng.
	MT36:	Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi, 1 số phương tiện

		bật.	giao thông, cây, hoa, quả, con vật theo 1 dấu hiệu nổi bật.
	MT37:	Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	-Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.
	MT38:	Trẻ biết chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.
	MT 39:	Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô.	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.
	MT40:	Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Thời tiết; mùa	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.
	MT41:	Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Nước, không khí, ánh sáng.	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.
	MT42:	Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Đất, đá, cát, sỏi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
	MT43:	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện một số điều quan sát qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình như: Chơi đóng vai: Bắt chước hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn, bác sĩ khám bệnh; Hát các bài hát về cây, con vật; Vẽ xé, dán, nặn con vật cây, đồ dùng đồ chơi, PTGT đơn giản...

a. Làm quen với toán:			
	MT44:	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - 1 và nhiều
	MT45:	Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và nói kết quả so sánh: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
	MT46:	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm nhỏ.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một số nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ.
	MT47:	Trẻ nhận ra được qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại..	- Xếp tương ứng 1- 1. - Ghép đôi. - Xếp xen kẽ
	MT48:	Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn, dài hơn/ ngắn hơn/ cao hơn, hơn/ bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.
	MT49:	Trẻ nhận dạng và gọi tên được các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận ra và gọi tên các hình: Hình tròn, hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.
	MT50:	Trẻ biết sử dụng các hình học để ghép.	- Chắp ghép từ các hình hình học.
	MT51:	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Xác định tay phải, tay trái của bản thân. - Xác định phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau bản thân trẻ.

b. Khám phá xã hội:			
	MT52:	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân
	MT53:	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.
	MT54:	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, lớp mẫu giáo. - Tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.
	MT55:	MT55: Trẻ kể được tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.
	MT56:	Trẻ kể được tên của một số lễ hội, kể tên một vài danh lam, thắng ở phương	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.
3. Phát triển ngôn ngữ	a. Nghe:		
	MT57:	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo các yêu cầu đơn giản.
	MT58:	Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát gần gũi.	- Hiểu các từ khái quát chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
	MT59:	Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Lắng nghe và trả lời câu hỏi của người đối thoại.
	MT60:	Trẻ nghe hiểu được nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	- Nội dung các câu đơn, câu mở rộng .
	MT61:	Trẻ nghe hiểu được nội dung	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù

		truyện kể, truyện đọc, các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	hợp với độ tuổi.. - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè theo độ tuổi.
b. Nói:			
	MT62:	Trẻ nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.
	MT63:	Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.
	MT64:	Trẻ biết sử dụng câu đơn, câu ghép.	- Câu đơn, câu ghép trong giao tiếp khi tham hoạt động vui chơi, trò chuyện với người khác... - Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? Ở đâu? Khi nào? Để làm gì?...
	MT65:	Trẻ biết bày tỏ tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.	- Bày tỏ tình cảm (yêu, ghét...), nhu cầu (ăn, ngủ, vệ sinh...) và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.
	MT66:	Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân.	- Kể lại sự việc hằng ngày đã diễn ra đối với bản thân: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...
	MT67:	Trẻ đọc được thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè.
	MT68:	Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn, bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
		MT69: Trẻ biết sử dụng các từ: “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao

		MT70: Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Cường độ giọng của bé khi giao tiếp (không quá to, không nói lí nhí, nói nhỏ trong giờ ngủ,...)
c. Làm quen với đọc và viết:			
	MT71:	Trẻ biết được một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống với sự gợi ý của cô.	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ...)
	MT72:	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cách cầm sách đúng chiều. - Mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách.
	MT73:	Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi được tên nhân vật trong tranh.	- Quan sát vào tranh minh họa các câu chuyện, bài thơ, tranh ảnh quen thuộc và gọi tên nhân vật trong các bức tranh quan sát.
	MT74:	Trẻ tập tiếp xúc với chữ cái, sách truyện.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện.
	MT75:	Trẻ tập làm quen với cách “đọc và viết” trong tiếng Việt.	- Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới - Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
	MT76:	Trẻ thích vẽ, “Viết” nguệch ngoạc.	- Vẽ, “Viết” nguệch ngoạc theo ý thích.
4. Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội	a. Phát triển tình cảm:		
	MT77:	Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, điều bé thích và không thích.	- Tên, tuổi, giới tính . - Những điều bé thích, không thích.
	MT78:	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn trả lời câu

			hỏi.
MT79:	Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao .	- Thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...).	
MT80:	Trẻ nhận ra được cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh, ảnh.	- Một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	
MT81:	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.	
MT82:	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	- Hình ảnh Bác Hồ - Kính yêu Bác Hồ. - Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác.	
b. Phát triển kĩ năng xã hội:			
MT83:	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).	
MT84:	Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn)	
MT85:	Trẻ biết chờ đến lượt.	- Chờ đến lượt.	
MT86:	Trẻ biết chú ý khi nghe cô và bạn nói.	- Chú ý lắng nghe khi cô và bạn nói.	
MT87:	Trẻ biết yêu quý người thân trong gia đình.	- Yêu mến bố mẹ, anh, chị em ruột	
MT88:	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chơi hòa thuận với bạn	

	MT89:	Trẻ nhận biết được hành vi “đúng”-“sai”, “tốt”-“xấu” dưới sự gợi ý của cô.	- Hành vi “đúng”-“Sai”; “tốt”-“xấu”
	MT90:	Trẻ biết tiết kiệm điện nước khi được nhắc nhở.	- Tiết kiệm điện, nước (Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng...)
	MT91:	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
	MT92:	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.
5. Phát triển thẩm mỹ	a. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên và nghệ thuật:		
	MT93:	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên được cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ nổi bật của sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	MT94:	Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe các bài hát, bản nhạc. - Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng theo các bản nhạc, bài hát. - Chăm chú lắng nghe người khác đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, kể chuyện. - Thích được nghe, kể những câu chuyện bản thân biết.
	MT95:	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên được cảm nhận	- Chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận

		của mình trước vẽ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.	của mình trước vẽ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo hình.
b. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình:			
MT96:	Trẻ thích nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.		- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)
MT97:	Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.		- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.
MT98:	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách nhịp, vận động minh họa).		- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
MT99:	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.		- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
MT100:	Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành các bức tranh, xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. Biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 hoặc 2 khối; xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.		- Sử dụng các kỹ năng: vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.
MT101:	Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình.		- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét.
c. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật:			
MT102:	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.		- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.

	MT103:	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm theo ý thích.	- Tạo ra sản phẩm theo ý thích.
	MT104:	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.

3.Đánh giá kết quả thực hiện:

*** Thuận lợi:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*** Khó khăn:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*** Tồn Tại:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*** Nguyên nhân:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*** Cách khắc phục:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

*** Dự kiến các phương án, kế hoạch tiến hành các hoạt động khi có dịch bệnh, thời tiết xấu:**

.....

.....

.....

.....

.....

B. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC, PHƯƠNG PHÁP VÀ CÁCH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC.

1. Các hoạt động giáo dục

- Hoạt động chơi
- Hoạt động học
- Hoạt động lao động
- Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội
- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.
- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

3. Phương pháp giáo dục

- + Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm
- Phương pháp dùng trò chơi:
- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề.
- Phương pháp luyện tập:
- + Nhóm phương pháp trực quan - minh họa
- + Nhóm phương pháp dùng lời nói
- + Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ
- + Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

B. DỰ KIẾN THỜI GIAN/ CHỦ ĐỀ THỰC HIỆN

Số thứ tự chủ đề giáo dục thực hiện trong năm học	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm học	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề	Những sự kiện lớn
Chủ đề lớn 1: Trường mầm non Số tuần thực hiện: 3 tuần (Thời gian thực hiện từ 08/09/2025 đến 26/09/2025)			
1	Trường mầm non Đồng Sơn của bé.	(Từ 08/09/2025 đến 12/09/2025)	
2	Lớp học 3 tuổi của bé	(Từ 15/09/2025 đến 19/09/2025)	
3	Đồ dùng, đồ chơi trong lớp của bé.	(Từ 22/09/2025 đến 26/09/2025)	
Chủ đề lớn 2: Bản thân Số tuần thực hiện: 3 tuần (Thời gian thực hiện 29/09/2025 đến 17/10/2025)			
4	Bé vui tết trung thu (Dự án Bé làm đèn lồng)	(Từ 29/09/2025 đến 03/10/2025)	Tết trung thu
5	Bé là ai nhỉ?	(Từ 06/10/2025 đến 10/10/2025)	
6	Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	(Từ 13/10/2025 đến 17/10/2025)	
Chủ đề lớn 3: Gia đình Số tuần thực hiện: 3 tuần			

(Thời gian thực hiện từ 20/10/2025 đến 07/11/2025)			
7	Gia đình của bé	(Từ 20/10/2025 đến 24/10/2025)	Ngày thành lập HLHPN Việt Nam 20/10
8	Ngôi nhà gia đình bé ở	(Từ 27/10/2025 đến 31/10/2025)	
9	Nhu cầu của gia đình	(Từ 03/11/2025 đến 07/11/2025)	
Chủ đề lớn 4: Nghề nghiệp Số tuần thực hiện: 4 tuần (Thời gian thực hiện từ 10/11/2025 đến 05/12/2025)			
10	1 số nghề quen thuộc và phổ biến	(Từ 10/11/2025 đến 14/11/2025)	
11	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11.	(Từ 17/11/2025 đến 21/11/2025)	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11
12	Tìm hiểu 1 số nghề phổ biến của địa phương	(Từ 24/11/2025 đến 28/11/2025)	
13	Nghề sản xuất- dịch vụ	(Từ 01/12/2025 đến 05/12/2025)	
Chủ đề lớn 5: Thế giới động vật Số tuần thực hiện: 4 tuần (Thời gian thực hiện từ 08/12/2025 đến 02/01/2026)			
14	Động vật sống trong gia đình	(Từ 08/12/2025 đến 12/12/2025)	
15	Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam	(Từ 15/12/2025 đến 19/12/2025)	Ngày thành lập QĐNDVN 22/12
16	Động vật sống dưới nước	(Từ 22/12/2025 đến 26/12/2025)	
17	Động vật sống trong rừng	(Từ 29/12/2025 đến 02/01/2026)	
Chủ đề lớn 6: Thế giới thực vật Số tuần thực hiện: 3 tuần (Thời gian thực hiện từ 05/01/2026 đến 23/01/2026)			
18	Bé yêu cây xanh	(Từ 05/01/2026 đến 09/01/2026)	Kết thúc học kỳ I
19	Một số loại rau	(Từ 12/01/2026 đến	Bắt đầu học

		16/01/2026	kỳ II
20	Một số loại hoa, quả	(Từ 19/01/2026 đến 23/01/2026	
Chủ đề lớn 7: Tết và mùa xuân Số tuần thực hiện: 3 tuần (Thời gian thực hiện từ 26/01/2026 đến 13/02/2026)			
21	Bé vui đón tết	(Từ 26/01/2026 đến 30/01/2026)	
22	Các món ăn ngày tết	(Từ 02/02/2026 đến 06/02/2026)	
23	Mùa Xuân (Dự án Vườn hoa mùa xuân)	(Từ 09/02/2026 đến 13/02/2026)	
(Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 16/02/2026 đến ngày 28/02/2026) (Nghỉ tết Âm lịch từ ngày 29/2/2026 đến ngày			
Chủ đề lớn 8: Một số phương tiện và quy định giao thông. Số tuần thực hiện: 5 tuần (Thời gian thực hiện từ 02/03/2026 đến 03/04/2026)			
24	Ngày quốc tế phụ nữ 8/03	(Từ 02/03/2026 đến 06/03/2026	Ngày hội của các bà các mẹ
25	Một số phương tiện giao thông đường bộ	(Từ 09/03/2026 đến 13/03/2026)	
26	Một số phương tiện giao thông đường hàng không	(Từ 16/03/2026 đến 20/03/2026)	
27	Một số phương tiện giao thông đường thủy	(Từ 23/03/2026 đến 27/03/2026)	
28	Một số quy định và luật lệ giao thông	(Từ 30/03/2026 đến 03/04/2026)	
Chủ đề lớn 9: Nước - Hiện tượng tự nhiên Số tuần thực hiện: 4 tuần (Thời gian thực hiện từ 06/04/2026 đến 24/04/2026)			
29	Nước	(Từ 06/04/2026 đến 10/04/2026)	
30	Mùa hè tuyệt vời	(Từ 13/04/2026 đến 17/04/2026	

31	Bé với hiện tượng tự nhiên	(Từ 20/04/2026 đến 24/04/2026	
Chủ đề lớn 10: Quê hương - Đất nước- Bác Hồ Số tuần thực hiện: 4 tuần (Thời gian thực hiện từ 27/04/2026 đến 22/05/2026)			
32	Quê hương đất nước Việt Nam	(Từ 27/04/2026 đến 01/05/2026)	Giải Phóng Miền Nam 30/4. Quốc tế lao động 01/05
33	Quảng Ninh quê em	(Từ 04/05/2026 đến 08/05/2026)	
34	Bác Hồ kính yêu	Từ 11/05/2026 đến 15/05/2026)	Sinh nhật Bác Hồ 19/05
35	Tết thiếu nhi.	Từ 18/05/2026 đến 22/05/2026)	
<i>Kết thúc học kỳ I: 09/01/2026</i> <i>Kết thúc chương trình: 23/5/2026</i> <i>Kết thúc năm học 29/05/2026</i>			

Trên đây là kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học lớp 3 tuổi ATrung Tâm năm học 2025 - 2026. Tôi rất mong nhận được các ý kiến chỉ đạo xem xét và phê duyệt kế hoạch này. Để chúng tôi thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2026 – 2026

Đồng Sơn, ngày 26 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN BGH

XÁC NHẬN TTCM

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM



Đinh Thị Phụng



Vũ Thị Chang



Vũ Thị Chang

My

Phạm Trà My

